

TU HÀNH LÀ GÌ? & DỮ THIÊN ĐỒNG ĐỨC tức PHỐI THIÊN

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ



Muốn trả lời câu này, chúng ta cần biết mình và biết mình là ai. Tu là gì và Tu để làm gì. Chúng ta cần phải thấu triệt các vấn đề này.

Trước hết ta là ai?

Ít người biết trong ta có hai thứ con người:

- Con người phàm phu, nhem nhuốc vì hồng trần đã làm cho ta nhơ bẩn.
- Con người lý tưởng, nắp ngay sau bộ mặt hóa trang bên ngoài.

Con người lý tưởng này hoàn thiện và linh diệu. Phật giáo gọi đó là **Bản Lai Diện Mục** (bộ mặt thật của chúng ta). **Con người lý tưởng này chính là Trời, là Tiên, Phật, Thánh trong ta. Nó chính là Bản Thể của ta.**

Tuy nhiên các đạo giáo quan niệm khác nhau về vấn đề này:

Công giáo: Ngoại trừ những người theo môn phái Giác Ngộ (Gnosticism hay Mysticism) thì cho rằng Trời là Trời, Người là người. Trời ở trên Trời, còn Người và Tạo Vật quần sinh thì ở dưới đất và do Trời tạo ra. Hai đẳng có một vực sâu ngăn cách, nên Con Người chỉ có thể thờ Trời, yêu kính Trời, hưởng Thiên Nhan Trời chứ không bao giờ kết hợp được với Trời.

Còn Hiền Thánh khắp nơi trong hoàn vũ và nhất là Hiền Thánh Á Đông thì nhất nhất đều tin rằng Trời chính là Bản Thể con người, và con người có thể sống kết hợp với Trời mà họ gọi đó là **Đạo Phối Thiên, là Đạo Huyền Đồng**. Như vậy Trời chính là Tinh Hoa con người, và đã ngự ngay trong lòng sâu con người.

Chính vì thế mà Cao Đài mới nói: **Thầy Ngự trong lòng mỗi chúng sinh.**

Bà La Môn nói: Thượng Đế ở trong mọi vật thụ sinh, và điều khiển vạn vật từ bên trong. [\[1\]](#)... Ta không

cần phải ngửa mặt lên Trời mà tìm Trời. Ngài đã ở trong ta. (Sđd, tr. 56). Yoga là một môn phái chuyên luyện tập xác, hồn để tìm cho ra bản thể siêu vi của con người, đó chính là đấng Tối Cao. [2]

Đại học gọi Trời là Nhất, và xin mọi người; Dừng chân nơi Hoàn Thiện, mà họ gọi là Chỉ ư chí Thiện 止於至善, là Chỉ Nhất 止一 : Ngừng nơi chữ Nhất. Mà chữ Chính 正 là Chỉ Nhất 止一 .

Như vậy khi chưa tu, thì ta có hai lòng: Lòng Trời, Lòng người.

Lòng của Trời siêu vi huyền ảo,
Lòng con người điên đảo, ngã nghiêng.
Tinh rỗng chuyên Nhất ngày đêm,
Ra công ra sức giữ nguyên lòng Trời.
Nhân Tâm duy nguy,
Đạo Tâm duy vi,
Duy tinh, duy Nhất,
Doãn chấp quyết Trung. [3]

Còn Tu là dẹp bỏ lòng người mà giữ nguyên lấy lòng Trời.

Công giáo gọi Con Người chưa tu (lòng người) là Con Người Cuỗ, và Con người tu luyện (lòng Trời) là Con Người mới (Rom. 6, 6; Ephes 4, 22; Colos 2, 9.- Ephes 4, 24; Colos 3, 10), và gọi Con Đường Tu là Cửa Hẹp (Mat 7, 14; 7, 18; Luc 13, 24)

Nho Giáo cũng cho rằng con người phải cắt, đánh, rũa, mài mới nên đẹp để được.

Kinh Thi viết:

Kìa xem bên nẻo sông Kỳ,
Tre non mới mọc xanh rì vườn ai,
Người đâu vẫn về hỏi người,
Như cắt, như xén, rũa, mài bấy nay.
Lắm liệt thay, rục rở thay,
Hỏi người quân tử biết ngày nào quên. [4]

Cao Đài dạy Tu là dẹp bỏ Phàm Tâm:

Các trẻ muốn gặp Thầy cũng dễ,
Dẹp «Phàm Tâm» đừng để dây dưa.
Thiệt hư, quấy phải ngăn ngừa,
Tham, sân, ái, ố ráng chừa cho xa. [5]

Nho gia cho rằng Thiên Lý hay Thiên Tâm thời quang minh chính đại. Nhân dục hay Nhân Tâm thời Tư Tà. Bao giờ cũng phải sống cho Quang Minh Chính Đại, nếu để Nhân Dục thắng, thì Thiên Lý sẽ vong. Nhân dục có tận, thì Thiên Lý mới hiện.

Lúc nào cũng phải:

Minh kính, chỉ thủy dĩ tồn tâm,

Thái Sơn, kiêu nhạc dĩ lập thân.
 Thanh thiên, bạch nhật dĩ ứng sự,
 Thanh phong, minh nguyệt dĩ đãi nhân.
 Tâm như gương sáng, nước trong.
 Thân như non Thái phong long cao vời.
 Thanh thiên bạch nhật đối đời,
 Thanh phong, minh nguyệt với người ở ăn.

Như vậy là phải luôn dẹp trừ tạp niệm, loạn niệm. Đạo Lão và Kinh Dịch gọi thế là Mộc Dục là Tẩy Tâm để giữ cho lòng luôn trong sáng. Dĩ nhiên cũng còn là phải Từ, Bi, Hỷ, Xả, thương người như mình.

Nho gia luôn luôn dạy con người phải Xét Minh:

Tăng Tử viết: «Ta một ngày xét mình ba lần.» (Ngô nhật tam tỉnh ngô thân. - Luận Ngữ, 1, 4)

Nếu xét mình mà không có gì đáng trách, thì không có gì đáng sợ. (Luận Ngữ, XII, 4)

Như vậy muốn tu sửa Con Người ta đã có sẵn khuôn mẫu ở ngay trong con người.

Trung Dung viết:

Đẻo cán rìu, có liền bên cán mẫu,
 Trông lại nhìn cố đấu cho in.
 Ngắm đi ngắm lại liền liền,
 Đẻo lui đẻo tới, mắt xem chưa vừa,
 Nên quân tử khi lo giáo hóa,
 Sửa trị người, sẵn có khuôn người.
 Thấy người giác ngộ thì thôi,
 Đã chiều cải hóa liệu bài ta ngưng.^[6]

Tôi yêu đạo Nho vì nó dạy tu thân rất là hay, mà Tu Thân theo Nho Gia là Tu Đạo Trời.

Đạo thánh nhân to sao, to lớn quá,
 Nó mệnh mang biến hóa chúng nhân,
 Nó cao, cao vút tới trời thăm muôn tầm,
 Nó rộng, rộng bát ngát khôn tả xiết.
 Gồm thấu mọi điều lẽ nghi, chi tiết,
 Bao uy nghi quán triệt hết chẳng trừ,
 Đợi thánh nhân Trời mới phú thác cho,
 Không Đức cả, Trời không ngưng Đạo cả.
 Nên quân tử dốc một lòng một dạ,
 Trọng Tính Trời, quyết gắn bó học hành,

Tiến sao cho đến mức rộng rãi tinh anh,
 Mức cao sáng của Trung Dung Đạo cả.
 Ôn điều cũ, học thêm điều mới lạ,
 Chuộng lễ nghĩa, sống đời sống nét na,
 Ở ngôi cao, không có thói kiêu xa,
 Ở cấp dưới không làm điều trái nghịch.
 Nước có Đạo, chỉ một lời làm tiến ích,
 Nước đảo điên: lạng lẽ đủ dung thân.
 Thơ rằng: Khôn lại còn ngoan,
 Khôn ngoan nên mới bảo toàn tấm thân.^[7]

Nhưng mà chương Trung Dung hay nhất chính là chương XX, mà tôi dịch như sau:

Hoàn toàn là Đạo của Trời,
 Trở nên hoàn thiện đạo người xưa nay.
 Người hoàn thiện cất tay là trúng,
 Chẳng cần suy cũng đúng chẳng sai.
 Thung Dung Trung Đạo tháng ngày,
 Ấy là vị thánh, từ ngay lọt lòng.
 *
 Còn những kẻ cố công nên thánh,
 Gặp điều lành phải mạnh tay co,
 Ra công học hỏi thăm dò,
 Học cho uyên bác, hỏi cho tận tường.
 Đắc đo suy nghĩ kỹ càng,
 Biện minh thấu triệt, quyết mang thi hành.
 Đã định học, chưa thành chưa bỏ,
 Đã hỏi han, chưa tỏ chưa thôi,
 Đã suy, suy hết khúc nôi,
 Chưa ra manh mối chưa rời xét suy.
 Biện luận mãi tới khi vỡ lẽ,
 Chưa rõ ràng, không thể bỏ qua.
 Đã làm làm tới tinh hoa,
 Tinh hoa chưa đạt, việc ta còn làm.
 Người 1 chuyển thân toàn thắng lợi,
 Ta tốn công dở dỏi trăm khoanh.
 Người làm 10 bận đã thành,

Ta làm nghìn thứ ta ganh với người.

Đường lối ấy nếu ai theo được,

Dẫu u mê, sau trước sẽ thông,

Dẫu rằng mềm yếu như không,

Sớm chày, cũng sẽ ra lòng sắt son.

Cái hay của Trung Dung là một khi đã đi vào con đường tu luyện, thì không bao giờ được bỏ nửa chừng (Trung Dung, XI), mà phải bền chí cho tới chết mới thôi. (Luận Ngữ, VIII, 8)

Như vậy tu luyện đòi hỏi sự bền chí.

Nó cũng đòi hỏi sự quyết tâm, sự thành ý. Người tu luyện lúc nào cũng phải bắt chước con chim khi ấp trứng, phải chuyên chú vào công việc của mình.

Không có quyết tâm, thành ý, không bao giờ nên công.

Người xưa nói:

Tinh thành sở chí kim thạch vi khai.

Lòng mình mà tinh thành, thì vàng đá sẽ mở ra.

Phúc Âm nói: Hãy xin thì sẽ được, hãy tìm thì sẽ thấy, hãy gõ thì sẽ mở ra. (Matth 7, 7, Luc 11, 9, Marc XI, 24)

Thế là mới đầu thì có: Nhân tâm, Đạo Tâm, cuối cùng chỉ còn Đạo Tâm, thế là Advaita, thế là Bất Nhị Pháp Môn, thế là Tâm tử Thần Hoạt, thế là Doãn Chấp Quyết Trung (Giữ nguyên lòng Trời của Nho Giáo).

Đây tôi không luận Tu Hành theo lối thông thường, là mỗi ngày để ra mấy tiếng để hít thở để tĩnh tọa công phu.

Công trình chúng ta là thành Trời, thành Đạo, là dữ Thiên hợp Nhất, là Phối Thiên.

Tôi viết Phối Thiên nghĩa là con người sẽ được sống phối kết với Trời, như Trời. Tôi thấy cần phải nói rõ hơn về vấn đề này để tránh mọi nhận định sai lầm.

Khi tôi viết xong bài này, ngẫu nhiên tôi đọc bức thư sau đây của thi hào Rabindranath Tagore (1861-1941) trả lời cho một độc giả người Anh hỏi về tôn giáo.

Ông viết:

Thưa bà.

Tôi rất cảm ơn vì nhận được quý thư. Xin phúc đáp để bà rõ tôi không thuộc giáo phái nào và cũng chẳng nghiêng theo đức tin nào cả. Điều tôi biết là lúc sinh ra tôi, Đấng tối cao đã biến mình thành tôi rồi. Người vẫn hằng tiếp tục triển khai, qua tôi luyện trong cuộc sống, và luôn luôn nâng niu con người tôi với sinh lực khác nhau cùng vẻ đẹp chuyển biến trong thế giới chung quanh. Sự kiện tôi hiện hữu đã mang cho nó tình yêu vĩnh cửu, thưa bà. Kính chào bà.

[8]

Thật là ngắn gọn, thật là tự nhiên, thật là hào hùng. Như vậy Ông đã công nhận mình là Hiện Thân của Thượng Đế.

Trong thế giới xưa nay, nhiều người đã cho mình là hiện thân Thượng Đế: như chúa Giêsu, như Al-Hallag, như Abu- Zazid, như Jalalu'd Din, như Eckhart v.v...

- Chúa Giêsu nói: Ta và Cha ta là một. (John 10 30)

- Al-Hallag (ob. 922) viết:

Ta cùng với đấng ta yêu,

Hai đấng là một, khôn chiều qua phân,

Một thân mà có 2 Thần,

Thấy ta, thấy Chúa cũng ngần ấy thôi.

(Je suis Celui que j'aime, et celui que j'aime est moi.

Nous sommes 2 esprits infus en 1 seul corps.

Si tu me vois, tu le vois; et si tu le vois, tu me vois. (Le Divin d'AL-Hallag, éd. Massignon, M. 57; Marijan Molé, Les mystiques musulmans, p. 70.)

- Abu-Zazid viết: «Một hôm Thượng Đế đem tôi lên đặt trước mặt ngài mà phán: Hỡi Abu-Zazid, tạo vật, Ta muốn thấy Con... Tôi liền thưa: Xin Chúa trang điểm cho Con bằng sự duy nhất Chúa; xin hãy mặc cho con cá tính Chúa. Xin hãy nâng con lên cho tới sự hợp nhất với Chúa, để hễ thấy Con, tạo vật sẽ nói: Ta đã thấy Chúa... Và đó là Chúa mà chẳng còn có ta nữa.» [\[9\]](#)

- Jalalu'd Din có thơ:

Hồn Ta, hồn Chúa tuy hai,

Như Nước và Rượu hòa hài khó phân.

Nước kia rượu ấy hợp quần,

Chúa tôi nên một, ai phân, ai rời.

Chúa là Đại Ngã của tôi,

Bao dây rợ nhỏ khôn bài buộc tôi.

«Cái tôi», Chúa đã lấy rồi,

Thế thì Chúa chính là tôi còn gì?

Chúa- tôi cho thấy điều chi?

Phải chăng tôi-Chúa tương tri gót đầu?

Tình Ngài tôi bị đốn đau,

Xuyên qua xương thịt, móc sâu vào người.

Sáo- tôi Ngài để trên đùi,

Tôi là Đàn, để ngực Ngài dựa nương.

Thờ đi, tôi sẽ phát thanh,

Đàn đi, tôi sẽ long lanh lệ trào.

(With Thy Sweet Soul, this soul of mine,

Hath mixed as Water doth with Wine.

Who can the Wine and Water part,

Or Me and Thee when combine?

Thou art become my greater self;

Thou hast my being taken on,
 And shall not I now take on Thine?
 Me Thou for ever hast affirmed,
 That I may ever know Thee mine.
 Thy love has pierced me through and through,
 Its thrill with Bone and Nerve entwine,
 I rest a flute laid on thy lip.
 A lute, I on thy breast recline,
 Breathe deep in me, that I may sigh,
 Yet strike my strings, and tears shall shine...) [10]

- Meister Eckhart viết: «Người Biết và cái Biết là một. Phàm nhân thì thấy Chúa như Chúa ngồi đây và họ ngồi đó. Còn tôi với Chúa, chúng tôi là một, trong hiểu biết.» Hoặc: «Mắt mà tôi nhìn Chúa cũng chính là mắt mà Ngài nhìn tôi.» [11]

- Eckhart viết: «Chúa nói với mỗi linh hồn: Ta đã làm người vì Con, nếu Con không thành Chúa vì ta, thì Con chẳng tốt đối với ta.» [12]

- Eckhart còn viết: «Nếu tôi biết Chúa trực tiếp, thì nhất định tôi phải trở thành Ngài, và Ngài trở thành tôi. Ngài và tôi trở nên một tôi.» [13]

- Bà La Môn là đạo nói rõ nhất về Phối Thiên.

Chandogya Upanishad dùng nhiều đoạn chỉ vẽ cho chúng ta biết chúng ta là Thượng Đế. **Tat tvam Asi = Con là Cái Đó.** [14]

Phối Thiên là thoát Phàm Cách, Nhân Cách, mặc lấy Thiên Cách. Huỳnh Đình Kinh chủ trương: Tâm có chết, thì Thần mới sống. [15]

- Upanishad cũng cho rằng Phàm tâm phải được tẩy trừ sạch sẽ, thì Thiên Tâm mới hiện. [16]

- Abu Yazid viết: «Tôi đã gặp Chúa toàn năng trong giấc mộng, và hỏi Ngài: «Đường nào đưa tới Chúa», và ngài trả lời tôi: «Hãy chút bỏ Ngã Chấp và hãy vươn lên.» [17]

Lam Điền Lữ Thị viết: Từ người lên tới Trời là Thượng Đạt (Tự Nhân nhi Thiên tắc thượng đạt.) [18]

Tiên Nho cho rằng đi cho tận Nhân Đạo rồi mới lên tới Thiên Đạo (Tận Nhân Đạo, tắc Thiên Đạo chí).

Lên tới Thiên Đạo là đạt đạo Trung Dung, là Phối Thiên.

Tuy nhiên Phối Thiên là nói về phần Tâm Tình, phần Tâm Linh.

Nho gia nói Phối Thiên là Dữ Thiên Đồng Đức.

Chứ không một ai dám nói: **Mình là Trời trên mọi bình diện.**

Thật ra Trời thông minh hơn ta muôn vàn, quyền phép hơn ta muôn vàn, khéo léo hơn ta muôn vàn.

Trong một bức thư tôi viết cho Ông Phạm Mạnh Lương ngày 4/13/95, tôi có viết như sau:

«Thực sự cho tới nay, chưa ai chứng minh được có Thượng Đế và sự bất tử, nhưng nếu ta đi sâu vào tâm tư ta, và suy tư về vũ trụ, ta sẽ thấy rằng vũ trụ này thật là lớp lang, tiết tấu, có trật tự hẳn hoi, và tất cả những sinh vật quanh ta là những gì hết sức kỳ bí. Con người dù giỏi giang mấy cũng chưa tạo ra được một con muỗi hay một con ruồi.

Tôi nhìn vào tâm linh tôi, tôi thật xấu hổ vì sự hiểu biết của tôi còn hết sức thô sơ, nông cạn, không có được lấy một phần tí cái thông minh, trí tuệ của Trời Đất. Chẳng những thế, lại còn thấy mình gần đất, xa trời, bị bệnh hoạn vây quanh, càng ngày càng thấy những khả năng của mình suy giảm đi. Tôi thấy tôi thật là một hạt muối sắp tan trong biển cả vô biên...»

Rồi tôi xét lại mình tôi, thấy thông minh chẳng bằng ai, học hành chẳng bằng ai, đức độ chẳng bằng ai, thế mà tự nhiên được trời đất thương tình, run rủi vào con đường đạo hạnh chân chính, đó là đạo Phối Thiên.

Cách đây gần 50 năm nay, mà tôi đơn thương độc mã, đi được vào con đường này, thật là một chuyện hi hữu. Thoạt đầu tôi học đạo Khổng, nhưng lại được Trời chỉ vẽ cho biết con người gồm đủ Tam Tài: Thiên, Nhân, Địa, và gồm đủ Vật Đạo, Nhân Đạo, Thiên Đạo. Và từ đó tôi thấy rất là mãnh liệt rằng con người sinh ra, theo Nhân Đạo không, thì không đủ.

Vì con người có Thần, nên còn phải thành Thần nữa. **Mà làm thế nào để thành Thần.** Thưa là phải Phối Thiên.

Tôi gặp mấy chữ: **Cao minh Phối Thiên** trong Trung Dung, nơi chương 26 và 31, sau đó tôi gặp câu **Thị vị Phối Thiên cổ chi cực** trong Đạo Đức Kinh ch. 68, và 2 chữ **Phối Thiên** nhiều nơi trong Trang Tử, ví dụ nơi Chương 12, Thiên Địa, tiết E (Les Pères du Système Taoiste, Tchuang Tzeu, 12, p. 297).

Tôi mới suy rằng nếu mà Tam Giáo Đồng Nguyên, thì chữ Nirvana phải có nghĩa là Phối Thiên, là Niết Bàn.

Sau đó, tôi mượn được 1 cuốn sách của Nathan Soderblom, nhan đề là **La Vie Future d'après le Mazdéisme** (Paris Ernest Leroux Éditeurs, 28 Rue Bonaparte, 1901, p. 363). Sách này giải thích **Nirvana là Phối Thiên**.

Le Nirvana avait fait partie d'une Brahmaidya, d'une métaphysique de Brahman, avant de faire partie de l'agnosticisme religieux bouddhique.

Le Nirvana avait signifié l'union avec le Brahman, Tat Tvam Asi «tu es cela», avant d'être prêché par Gautama comme une délivrance pure et simple, sans but positif, sans préoccupation métaphysique, dans une religion uniquement occupée du salut religieux au sens négatif. – Sđd., tr. 363.

Le Brahman, l'être infini, éternel, inébranlable, est atteint dans le Nirvana. Être Brahman, arriver au Nirvana, veut dire posséder la paix suprême dans cette vie et après la mort. – Sđd., tr. 363.

Cách đó vài tháng tôi gặp một Thiếu Tá Ấn Độ làm trong Ủy Ban Đình Chiến. Tôi hỏi: Nirvana trong tiếng Ấn Độ nghĩa là gì? Ông lập tức trả lời: **Union with God (Phối Thiên)**.

Có điều đặc biệt là khi Cưu Ma La Thập (Kumarajiva; dịch kinh Phật tại Trường An từ năm 401 đến 412, đời Đông Tấn), đã mượn hai chữ Nê Hoàn của Đạo Lão để dịch chữ Nirvana. Mà Nê Hoàn chính là Tổ Khiếu, là Đạo trong ta. **Tôi đã xác định Nê Hoàn là Nã Thất Ba, là Trời trong ta, theo Bà La Môn.**

Thế là tôi nắm được khẩu quyết: **Sống phối hợp với Trời là đắc Đạo.** Từ đó tôi đi vào các đạo giáo như chơi. Sáng tôi học Đạo Khổng. Trưa đem Đạo Đức Kinh ra dịch mà lại dịch bằng thơ, rất dễ dàng.

- Tôi đã để ra khoảng hơn 10 năm để học Nho giáo, học Kinh Dịch, học Khổng tử (551-481 tr. C.N.),

Mạnh Tử (372-288 tr. C.N.), Đổng Trọng Thư (thời Tây Hán), Trương Tái (Trương Hoàn Cừ 1020-1076), Thiệu Tử (1011-1077), Chu Liêm Khê (1017-1073), Trình Hạo (1032-1085), Trình Di (1033-1107), Chu Hi (1130-1200), Lục Tựơng Sơn (1139-1192) Vương Dương Minh (1472-1528) v.v...

- Tôi may mắn được các vị Cao Đài ở Đà Nẵng đem cho tôi mượn khoảng 100 quyển trong bộ Đạo Tạng dạy về Lão giáo. Nhờ đó mà tôi nắm được Đạo Lão và từ từ biết các cao nhân, danh phái Đạo Lão.

Tôi biết Lão Tử (Thế kỷ VI trước C.N.), Trang tử (khoảng 330 trước C.N.), Liệt tử (Cuối thế kỷ IV trước C.N.), biết Hán Chung Ly, Lữ Động Tân (798-), biết **Nam Tông** với Lưu Thao (khoảng 911), Trương Bá Đoan (984-1082) v.v..., biết **Bắc Tông** với Vương Trùng Dương (1112-1170) và 7 đệ tử, Khưu Xử Cơ (1148-1227), Lưu Xử Huyền, Đàm Xử Đoan (1123-1185), Mã Ngọc (1123-1183), Hác Đại Thông (1140-1212), Vương Xử Nhất (1142-1217), Tôn Bất Nhị (1119-1182), biết **Đông Phái** với Lục Tiềm Hư (1520-1606), biết **Tây Phái** với Lý Hàm Hư, **Trung Phái** với Lý Đạo Thuần v.v...

- Sau đó tôi sang Bà La Môn. Tôi có dịp đọc các bộ Thánh Thư Ấn Giáo như Rig-Veda, như Upanishads, và được đọc đời sống các vị Thánh như Shankara, hay Shankaracharya (Cuối thế kỷ thứ VIII), Ramakhrisna (1636-86), và đại đệ tử của Ông là Vivekananda (1863-1902), và các vị khác như Sri Aurobindo (1872-1950, Tagore (1861-1941), Gandhi (1869-1948), Sai Baba v.v... Tôi thấy Ấn giáo quả đã đạt tới đỉnh cao trí tuệ loài người.

- Sau đó, tôi quay sang đọc các kinh Phật, nhưng tôi chỉ chú tâm đến những đoạn liên quan đến tư tưởng của tôi. Nhờ đó tôi học được nhiều về đời sống Đức Phật (khoảng 568 tr. C.N - khoảng 463tr. C.N.) và các tổ Thiền như Bồ Đề Đạt Ma (528), Huệ Khả (486-593), Tăng Xán (606), Hoàng Nhẫn (601-674), Huệ Năng (628-713) v.v..

Không bao lâu, tôi cũng nắm được tinh hoa các đạo giáo đó (Nho, Thích, Lão, Bà La Môn).

- Tôi quay sang khảo về Thiên Chúa Giáo, Tin Lành, Chính Thống v.v... và tôi đã thấy **Chúa Giêsu, thánh John, thánh Paul, là những vị thánh Phối Thiên**. Tôi khảo thêm về khoảng 100 nhà huyền học Công giáo khác cũng đã đi theo đường lối này, và tôi đã tìm ra những khuôn mặt cự phách như Meister Eckhart (khoảng 1260-1327) và các đệ tử xa gần của Ông như thánh Thomas Aquinas (1226-1274), John Tauler (khoảng 1300-1361), Henri Suso (c. 1295-1363) v.v... Bên Tây Ban Nha tôi đọc thánh John of the Cross (1542-1991) và bà thánh Thérèse d'Avila (1515- 1582).

Phía Tin Lành tôi thấy có Jacob Boehme (1575-1624), Emmanuel Swedenborg (1688-1772).

Chính Thống giáo có Giám mục Ignatius Brianchaninov, Nicephorus the Solitary v.v...

- Tôi nghiên cứu Do Thái giáo và mật tông Kaballah của Do Thái giáo. Tôi thấy Kabbalah rất cao siêu.

- Rồi tôi sang các Mật Tông như Tam Điểm (Free-masonry) hoạt động vào khoảng 1717, Rose-crucians (Khoảng 1420), Alchemy, và Hermetism.

- Sau đó tôi sang Hồi Giáo đọc Coran và các môn phái Hồi Giáo. Tôi thấy môn phái Sufism có chủ trương Phối Thiên.

- Tôi nghiên cứu Cao Đài hết sức hân hoan. Tôi rất quý Cao Đài vì chủ trương Vạn Giáo Nhất Lý và Cao Minh Phối Thiên.

Tóm lại, tôi không đóng khung tôi trong một Tôn Giáo nào, và bao giờ tôi cũng chỉ đi tìm Đạo Phối Thiên mà thôi.

Tuy tôi đọc nhiều và nhớ nhiều, nhưng thực sự không vất vả vì những tư tưởng mà tôi đi tìm y như đã là của tôi tự bao giờ.

Đức Khổng xưa đã dạy Tử Cống: «Người cho ta học nhiều mà biết, có phải không? Không phải. Ta đây chỉ học cái Một mà suốt hết cái đó.» [\[19\]](#)

Tôi nghĩ cái học sách vở không quan hệ vì những bậc Đại Thánh như Ramakrishna, như Huệ Năng, như Jacob Boehme hầu như là thất học.

Tôi nhớ khi ở Đà Nẵng có một kỹ sư Trung Hoa là Phương Dật Nguyên biểu tôi quyển Chu Dịch Xiển Chân ngày 6-1-1963, tôi đọc suốt đêm vì thấy có nhiều hình giống như tôi đã vẽ ra. Tôi có trích dịch Bài Trung Đồ và viết vào Trung Dung Tân Khảo của tôi.

Tôi cảm ơn Trời đã hướng dẫn tôi trong mọi bước tôi đi, đã run rủi cho tôi gặp nhiều duyên may, cho tôi biết những điều cần biết, nên dù nay tôi bị tật nguyên tôi thấy nó không đáng gì, so với những hồng ân mà tôi đã được.

Tôi thấy rằng chân đạo sao mà ít người nhận ra thế. Họ đi tìm ngược, tìm xuôi, mà cái gì trước mắt thì bỏ qua. Biết một chút cái gì, thì cho là mình đã nắm được chân lý nên không thèm tìm tòi thêm điều gì nữa.

Thực ra đạo Trời hết sức giản dị, vì Lương Tâm chính là Phật tính, là Thiên Tính là Chân Ngã, là cái gì Bất Biến. Còn Vọng Tâm là cái gì biến thiên.

Bỏ biến thiên tìm về bất biến; bỏ bóng tối tìm về ánh sáng; bỏ sự Chết tìm về sự Sống; bỏ Giả tìm Chân, đều là chuyện hợp lý, chuyện có thể làm được.

Và lời hứa Phối Thiên là Niết Bàn là hạnh phúc trường cửu cũng không phải là cái gì viễn vông, vô nghĩa.

Lục Tượng Sơn viết: «Mạnh Tử bảo: «Không nghĩ mà biết là lương tri, không học mà giỏi là lương năng, ấy là cái Trời phú dữ cho ta, ta vốn có rồi, không phải do ở ngoài đức ra cho ta vậy. Cho nên nói rằng: Vạn vật đều đủ ở ta, ta trở lại thân ta, mà thành thực, thì không có cái vui nào lớn hơn vậy.» Đó là cái bản tâm của ta vậy. Cái gọi là an trạch, là chính lộ, là cái ấy; cái gọi là quảng cư, chính vị, Đại Đạo là cái ấy. Cổ nhân tự đắc cái ấy, cho nên có cái chân thực, nói lý là thực lý, nói sự là thực sự, đức là thực đức, hạnh là thực hạnh.» [\[20\]](#)

Lão tử viết trong Đạo Đức Kinh, chương 70:

Lời ta dễ biết, dễ làm,
Nhưng mà thiên hạ chẳng am, chẳng tường.
Lời ta nói có chủ trương,
Việc ta vốn có lối đường chốt then.
Nhưng mà tục tử ngu hèn,
Hiểu ta chẳng nổi, nên xem thường tình.
Hiểu ta mấy bực tinh anh,
Ít người hiểu nổi, nên danh càng lừng.
Xưa nay những bậc thánh nhân,
Ngọc tàng dưới lớp áo quần xác xơ.

Tông Bổn Thiên Sư, trong quyển Qui Nguyên Trực Chỉ, bài 49, Đỗ Thiếu Lăng dịch, tr. 240 và 252,

tóm tắt cách tu Đạo Phật như sau: «Tu Phật không cần học nhiều, chỉ cần biết niệm Di Đà, biết nội quan quán chiếu, để tìm ra Bản Lai Diện mục của mình, và biết đâu là Nê Hoàn thì sẽ biết căn do sinh tử là tại đó.»

Bài kệ nguyên văn như sau:

Tây phương bất dụng học đa đoan,
Nhất cú Di Đà tại phản quan.
Kiến đắc Bản Lai Chân Diện Mục,
Thủy tri sinh tử tại Nê Hoàn.
Tây phương chẳng buộc học cho nhiều,
Một niệm Di Đà xét sớm chiều,
Thấy được buổi xưa mày mắt thiệt,
Mới hay sống chết ấy Nê Hoàn.

Mới hay:

Chí đạo đừng tìm trong biến hóa,
Lẽ Trời đừng kiếm chỗ tằm phiền.
(Chí đạo bất kỳ ư biến hoá,
Giản dị nhi Thiên Địa chi lý đắc.)

Dịch Kinh, Hệ Từ hạ, chương I, viết:

Càn Khôn dễ biết, dễ làm,
Dị nên dễ biết, giản càng dễ theo.
Dễ hay, nên sẽ dễ yêu,
Dễ theo, nên sẽ chắc chiu thi hành.
Có yêu, trường cửu mới sinh,
Có làm mới có công trình lớn lao.
Hiền Nhân đức cốt bền lâu,
Hiền Nhân, sự nghiệp cơ mầu lớn lao,
Lẽ Trời giản dị xiết bao,
(Tìm trong phiền toái thấy sao lẽ Trời),
(Lẽ Trời giản dị thấy rồi,)
Ngôi Trời cao cả tức thời hiện ra.

Kinh Thi viết:

Thiên chi dữ dân,
Như Huân như Trì,
Nhu Chương, như Khuê,
Như thủ như huề,

Huề vô viết ích,
 Dũ dân khổng dịch.
 Trời xanh dẫn dắt chúng nhân,
 Như là tấu khúc nhạc Huân, nhạc Trì.
 Trời Người đôi ngọc chương khuê,
 Bên cho bên lấy đề huề biết bao.
 Tay cầm, tay dắt, khéo sao,
 Trời xanh dẫn dắt dân nào khó chi. [21]

CAO ĐÀI CŨNG CHO RẰNG: TU TRÌ LÀ TÌM LẠI ĐƯỢC BẢN THÂN

Đức Chí Tôn có dạy rằng: «Lập một nước còn dễ hơn Thầy lập đạo kỳ Ba này. vì Đạo kỳ Ba này chỉ dùng huyền diệu cơ bút chọn nhân sinh, giao phận sự thể Thiên hành hóa, vì nhân sinh tức là Thầy đó vậy.» (Đàn cơ Văn Tuyên Khổng Thánh)

Tôi đã để ngót 60 năm tìm hiểu so sánh đạo trời nhưng chưa thấy đạo nào mà lại coi trọng tín đồ, mà lại đối đãi với giáo dân như với chính mình bằng đạo Cao Đài.

Đàn cơ Lấy Tĩnh chế Động, Minh Lý Thánh Hội, 2- 4 Kỷ Dậu(15- 7- 1969) viết: «Chư hiền sĩ, hiền muội, Trời là Đại Thiên Địa, con người cũng như tất cả chúng sinh là Tiểu Thiên Địa. Trời đã có những gì, trong vạn vật vẫn có những vật ấy. Chỉ khác nhau là ở chỗ lớn bé trên hình thức hoặc biến dịch không ngừng, khi bày khi ẩn vậy thôi. Thế nên Thượng Đế hằng nói: Thầy là các Con, các con là Thầy. Tất cả chúng sinh sẽ thành Phật, đồng trở về hợp nhất cùng khối Đại Linh Quang, chẳng qua là sự tiến hóa mau chậm mà thôi.»

Một trường hợp khác, đời thường nói hai chữ «thiên hạ» ám chỉ con người. Thiên thượng là Trời. Thiên hạ là người. Vậy người cũng có đủ điều kiện làm Trời.

Phương pháp tu trì

Đời có hai mặt: Thanh trọc, trái phải, động tĩnh. Tất cả đều theo lý Âm Dương mà ra.

Người tu biết đạo, Thiêng liêng thường khuyên nên lấy Tĩnh chế động, lấy Thiện chế Ác, lấy Phải chế Trái,

Nên lấy Tĩnh chế động là nguồn gốc Tu Trì. Cũng như Nước sông mới Gánh về thì Đục, đánh phèn hay để cho lắng lại sẽ thành trong.

Tu trì được chi phối bởi định luật Nhân Quả:

Nhân quả:

Nhân nào quả nấy lẽ xưa nay
 Nhân Trời, Tính Phật hỏi sao đây:
 Gieo chi được nấy, đành là vậy,
 Biết được muôn loài Cốt không hai.
 Trên mặt biển thiên muôn hình trạng,
 Dưới lòng vĩnh cửu một Thể thôi.

Kiếp này nếu biết mình là Phật,
 Bao kiếp Luân hồi mới như nay.
 Tu Trì cũng được chi phối bởi danh từ Hữu Vô.

Hữu Vô.

Tòng Vô nhập hữu, Hữu tài thông
 Hữu hữu, Vô vô xứ xứ đồng.
 Nhân Vô sinh Hữu sinh biến hóa
 Biến cùng Hóa tận, tái hoàn không
 Vũ trụ tuần hoàn, tư lý đạt.
 Tự thân minh liễu hiển thần thông
 Tri đắc biến thiên, tri tạo hóa.
 Tạo hóa ký tri Ngã thị Ông.

Dịch:

Từ Không sinh Có, Có sẽ thông
 Hữu Hữu, Vô Vô khắp chốn đồng.
 Từ Vô sinh Hữu sinh Biến Hóa
 Biến Hóa sinh rồi trở lại Không.
 Vũ trụ tuần hoàn mà đạt lý,
 Thân mình hiểu rõ, sẽ thần thông,
 Biến thiên rõ lẽ, thông Tạo Hóa,
 Tạo Hóa thông rồi, ta là Ông.

(Nguyễn Văn Thọ)

Suy ra, muốn tu trì cho đứng đắn Con người cần biết rằng Mình vốn có Căn Trời, Cốt Phật từ muôn thủa.

Vì ta có Căn Trời Cốt Phật, nên Thượng Đế mới nói: **Thày là các Con, các Con là Thày.**

Đàn cơ Lấy Tĩnh Chế Động viết: «Vi chư hiền sĩ, hiền muội mỗi người đều có phép nhiệm màu vạn năng của Thượng Đế đã chia phần từ khi mang thề xác vi nhân chốn hồng trần này, chỉ cần lau chùi cho sạch lớp bụi vô minh thì phép màu sẽ hiện lên như lòng mong muốn... Riêng chư hiền sĩ hiền muội hãy an lòng luôn luôn lấy tĩnh chế động thì mọi động sẽ trở lại an tĩnh.»

Đạo Lão gọi căn Trời, cốt Phật trong mình là: Tính Mệnh, là Đạo Tâm.

Đạo Nho gọi căn Trời cốt Phật trong Mình là Tính Mệnh, là Lương Tri.

Đạo Phật gọi Căn Trời Cốt Phật là Đại Ngã là Phật Tính.

Nó vốn dĩ toàn hảo, nên Ba đạo biểu tượng nó là Vòng Tròn Vô Cực. (Vòng tròn chỉ sự Viên Mãn.

Con người nếu biết rằng trong mình có sẵn Đạo Tâm, Lương Tri, Phật Tính, theo gương mẫu đó mà tu trì, thì sẽ thành Tiên Phật.

Trung Dung chương 13 viết: «Phạt kha, Phạt kha, kỳ tắc bất viễn.» : Đéo cán rìu, có liền bên cán mẩu,

Trông lại nhìn cố đầu cho in, Ngắm đi, ngắm lại liền liền, Đẽo lui đẽo tới mắt xem chưa vừa. Thì ra cán mẫu đã ở sẵn trong mình. [\[22\]](#)

Vừa qua, tôi có được quyển Đại Thừa Chân Giáo của Phái Chiếu Minh xuất bản năm Canh Dần (1950) có kèm theo bản dịch tiếng Pháp. Sách dịch theo nghĩa bóng, rất là hay. Quyển sách này, đã được Thiên Lý Bửu Tòa, in lại năm 2000. Sách này không giống các sách Đại Thừa Chân Giáo khác, vì đi hẳn vào Đại Đạo chân truyền, và dịch Đại Thừa Chân Giáo là Le Grand Cycle de l'ésotérisme và chú thích thêm: Sur l'Ordre Divin, le grand Cycle s'ouvre pour unir les âmes dans l'Âme Universelle (Dieu) (Đại thừa Chân Giáo trang bìa sách). Tôi chuyên khảo về Éso-térisme (Mật tông) nên đọc sách này rất thích thú.

Ví dụ 2 câu: Trung Dung noi đây làm gương,

Chỉ Minh Minh Đức là phương siêu phàm (Đại thừa Chân giáo, tr.32- 33)

Mà dịch ý là: Amour et justice, Piété et Fraternité, telle est la Destinée Humaine, Montrez à votre prochain le Dieu que vous portez en vous, voilà le secret de l'Ascension thật là thâm toát ý tưởng của Trung Dung của Đại Học và của Nho Giáo muôn đời.

Đại Thừa Chân Giáo có mục đích dạy người tìm lại Căn Nguyên, Cốt Cách của Con Người.

Đại Thừa Chân Giáo viết:

Chiếu sắc Đại Thừa qui Bản Tính

Minh truyền Chân Giáo phục Linh Căn

Trong bài Tu hành là gì tôi cũng chỉ vẽ cho Con Người con đường Qui Nguyên Phản Bản, tìm về Bản Tính Trời trong con người mình. Tóm lại, tôi không đi ra ngoài Thánh Giáo.

CHÚ THÍCH

[\[1\]](#) Arthur Avalon, La Puissance du Serpent, Lyon, 1959, p. 60.

[\[2\]](#) Sđd., tr. 179.

[\[3\]](#) Kinh Thư, Đại Vũ Mô.

[\[4\]](#) Kinh Thi, Tân Đà dịch, 168.

[\[5\]](#) Tập San Đại Đạo Phổ Thông, số 16, tr. 111.

[\[6\]](#) Trung Dung, ch. VIII.

[\[7\]](#) Trung Dung Ch. XXVII.

[\[8\]](#) Rabindranath Tagore, Lời Dâng, Đỗ Khánh Hoan dịch, 1999, tr. 5.

[\[9\]](#) Abu Yazid dit: «Ti me placa devant Lui... et dit: «O Abu Yazid! Mes créatures veulent te voir.» Je dis alors: «Orne- moi de ton unicité, habille-moi de ton individualité, élève-moi à ton unité, afin que me voyant, ces créatures disent: Nous t'avons vu. Et ce sera Toi, et moi je n'y serai pas.» – Marijan Molé, les Mystiques Musulmans p. 56.

[\[10\]](#) Mysticism, Everly Hill, 1974, p. 426.

[\[11\]](#) The Knower and the Known are one. Simple people imagine they should see God as if He stood there

and they here. God and I we are One in knowledge. The eye with I see God is the same as that with he sees me. – F.C. Happold, *Mysticism*, 1970, p. 67.

[12] Eckhart therefore did no more than expand the patristic view when wrote: «Our Lord says to every living soul, I became man for You, if You do not become God for me, you do me wrong.» -- Every Hill, *Mysticism*, p. 502.

[13] Eckhart in whom the language of deification assumes its most extreme form, justifies it on this necessity. «If, he says, I am to know God directly, I must be completely He, and He is so that this He and this I become and are one I.» Sđd., tr. 502.

[14] The thirteen principal Upamishads, Robert Ernest Hume, 1988, p. 50-51, p. 246-250.

[15] Huỳnh Đình Kinh chú, *Ngoại cảnh Ngọc Kinh* tr. 17.

[16] Sđd.. tr. 51.

[17] Abu Yazid dit: Je vis le Seigneur de la Puissance en rêve et lui demandai: «Quel est le chemin qui mène vers Toi?» Il me dit: Dépouille-toi de ton Toi et élève-toi.» – Marijan Molé, *Les Mystiques Musulmans*, p. 54.

[18] Trung Dung hoặc vấn, tr. 127.

[19] *Luận Ngữ*, XV, 2; Trần Trọng Kim, *Nho Giáo*, q. 2, tr. 266.

[20] Trần trọng Kim, *Nho giáo*, q. 2, tr. 183.

[21] *The She King*, James Legge, p. 502.

[22] Nguyễn Văn Thọ, *Trung Dung tân khảo*, tr. 343- 350.